**MỞ ĐẦU**

Trong các hoạt động xét xử các loại vụ án thì xét xử vụ án hình sự có ý nghĩa rất quan trọng, vì đây là hoạt động giải quyết quan hệ giữa Nhà nước và người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội, nhằm xác định trách nhiệm hình sự đối với người đó. Hoạt động xét xử các vụ án này có thể dẫn tới một hậu quả pháp lý bất lợi cho người bị xét xử cũng như những người khác có liên quan. Vì vậy, bản án, quyết định của Tòa án khi xét xử phải chính xác, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Để thực hiện được điều đó, đòi hỏi hoạt động xét xử các vụ án hình sự phải tuân thủ nhiều nguyên tắc cơ bản của luật Tố tụng hình sự khi xét xử. Những nguyên tắc này là những phương châm, là kim chỉ nam cho mọi hoạt động trong tố tụng hình sự. Nguyên tắc hai cấp xét xử là  một nguyên tắc mới được quy định trong Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003, nguyên tắc này thể hiện sự thận trọng của Tòa án trong việc xét xử, đảm bảo cho việc xét xử chính xác, công bằng thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật, và một trong những nguyên tắc đó là nguyên tắc hai cấp xét xử. Việc quy định nguyên tắc này trong xét xử các vụ án hình sự là một tất yếu khách quan của thực tiễn xét xử để hoạt động này có thể thực hiện đúng được chức năng của nó và đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của các chủ thể có liên quan trong từng vụ án cụ thể. Bài viết sau đây sẽ đi nghiên cứu về ý nghĩa của nguyên tắc hai cấp xét xử và các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của nguyên tắc này trong hoạt động xét xử.

**NỘI DUNG.**

**1. Các khái niệm cần làm rõ trong vấn đề về nguyên tắc hai cấp xét xử**

**1.1. Khái niệm cấp xét xử, cấp xét xử sơ thẩm, cấp xét xử phúc thẩm:**

Cấp xét xử là hình thức tổ chức tố tụng để xét xử và xét xử lại các vụ án, hình thức tổ chức tố tụng này được đảm bảo thực hiện bằng việc quy định các thủ tục tố tụng cụ thể và tổ chức tố tụng xét xử cụ thể và tổ chức hệ thống Tòa án có thẩm quyền xét xử theo các thủ tục tố tụng xét xử khác nhau, nhằm xét xử các vụ án hình sự, dân sự, kinh tế, hành chính, lao động…được đúng đắn, khách quan.

Cấp xét xử sơ thẩm là hình thức tổ chức tố tụng để xét xử lần đầu các vụ án hình sự, bản án, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm có thể bị kháng cáo, kháng nghị để xét xử lại một lần nữa ở cấp phúc thẩm.

Cấp xét xử phúc thẩm là hình thức tổ chức tố tụng để xét xử lại vụ án hình sự mà bản án, quyết định của cấp sơ thẩm bị kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật, bản án, quyết định của Tòa án cấp phúc thẩm có hiệu lực pháp luật ngay.

**1.2. Khái niệm nguyên tắc hai cấp xét xử:**

Nguyên tắc tố tụng hình sự là những quy định pháp luật cơ bản có tính bắt buộc chung, xác định phương châm và định hướng cho toàn bộ quá trình tố tụng hay một số hoạt động tố tụng nhất định, thể hiện bản chất của chế độ Nhà nước, bản chất của tố tụng hình sự, được quy định trong Bộ luật hình sự và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan

Nguyên tắc hai cấp xét xử trong tố tụng hình sự là tư tưởng chủ đạo, có tính bắt buộc chung, thể hiện quan điểm có tính định hướng của Nhà nước trong việc tổ chức tố tụng để xét xử các vụ án hình sự, được quy định trong pháp luật tố tụng hình sự, trong đó xác định một vụ án hình sự được xét xử lần đầu ở cấp sơ thẩm (cấp xét xử thứ nhất) có thể được xét xử lại và chỉ có thể được xét xử lại một lần nữa ở cấp phúc thẩm (cấp xét xử thứ hai) nếu có kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự, nhằm giải quyết đúng đắn, kịp thời vụ án, bảo đảm lợi ích Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, cơ quan, tổ chức.

**2. Pháp luật hiện hành về nguyên tắc thực hiện hai cấp xét xử:**

**2.1. Cơ sở pháp lý của nguyên tắc thực hiện chế độ hai cấp xét xử:**

Điều 20 BLTTHS quy định như sau: “1. Tòa án thực hiện chế độ hai cấp xét xử.

Bản án, quyết định sơ thẩm của Tòa án có thể bị kháng cáo, kháng nghị theo quy định của Bộ luật này.

Bản án, quyết định sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị trong thời hạn do Bộ luật này quy định thì có hiệu lực pháp luật. Đối với bản án, quyết định sơ thẩm bị kháng cáo, kháng nghị thì vụ án phải được xét xử phúc thẩm. Bản án, quyết định phúc thẩm có hiệu lực pháp luật.

2. Đối với Bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật mà phát hiện có vi phạm pháp luật hoặc có tình tiết mới thì được xem xét lại theo trình tự giám đốc thẩm hoặc tái thẩm”.

Điều 11 Luật tổ chức TAND năm 2002 về cơ bản cũng quy định tương tự như quy định tại Điều 20 BLTTHS.

**2.2. Nội dung của nguyên tắc thực hiện chế độ hai cấp xét xử**

Qua các quy định này thì nội dung cụ thể của nguyên tắc hai cấp xét xử theo pháp luật hiện hành được hiểu như sau:

Thứ nhất, bản án, quyết định sơ thẩm của Tòa án có thể bị kháng cáo, kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003. Xét xử sơ thẩm là cấp xét xử thứ nhất, khi xác định Tòa án có thẩm quyền xét xử sơ thẩm phải căn cứ vào những quy định của pháp luật về thẩm quyền theo sự việc, thẩm quyền theo đối tượng và thẩm quyền theo lãnh thổ. Sau khi xét xử sơ thẩm, bản án và quyết định của Tòa án chưa có hiệu lực pháp luật ngay, Viện kiểm sát có quyền kháng nghị, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đều có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án cấp trên trực tiếp xét xử lại một lần nữa.

Thứ hai, bản án, quyết định sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị trong thời hạn do Bộ luật tố tụng hình sự quy định thì có hiệu lực pháp luật. Đối với bản án, quyết định sơ thẩm bị kháng cáo, kháng nghị thì vụ án phải được xét xử phúc thẩm. Tòa án cấp phúc thẩm là cấp xét xử thứ hai. Khi xét lại vụ án, Tòa án cấp phúc thẩm không chỉ kiểm tra tính hợp pháp và tính có căn cứ của bản án và quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm mà còn xét xử lại vụ án về mặt nội dung.

Thứ ba, đối với bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật mà phát hiện có vi phạm pháp luật hoặc có tình tiết mới thì được xem xét lại theo thủ tục giám đốc thẩm hoặc tái thẩm. Tòa án cấp giám đốc thẩm và tái thẩm không phải là một cấp xét xử, không xét lại vụ án về mặt nội dung mà chỉ xem xét lại bản án hoặc tính hợp pháp và tính có căn cứ của các bản án và quyết định đó. Khi giám đốc thẩm hoặc tái thẩm, Tòa án không thực hiện chức năng xét xử mà thực hiện chức năng giám đốc xét xử của Tòa án cấp trên đối với Tòa án cấp dưới.

**3. Ý nghĩa của nguyên tắc thực hiện chế độ hai cấp xét xử**

Bất cứ một quy định nào của pháp luật cũng đều mang trong nó những ý nghĩa nhất định. Trong pháp luật TTHS cũng vậy, việc quy định nguyên tắc thực hiện chế độ hai cấp xét xử trong BLTTHS cũng chứa đựng những ý nghĩa riêng của nó.

**3.1. Ý nghĩa pháp lý.**

Việc quy định một vụ án hình sự có thể được xét xử qua hai cấp là một bảo đảm pháp lý cần thiết cho việc xét xử của Tòa án được chính xác và đúng đắn. Bởi vì qua hai cấp xét xử như vậy những vấn đề thuộc nội dung vụ án sẽ một lần nữa được xem xét, phân tích, đánh giá kỹ càng, đấy đủ hơn. Trên cơ sở đó, các phán quyết của Tòa án đưa ra đảm bảo độ chính xác cao hơn. Việc quy định và thực hiện nguyên tắc hai cấp xét xử trong TTHS tạo cơ sở pháp lý quan trọng để Viện kiểm sát, bị cáo, người tham gia tố tụng khác có quyền và lợi ích liên quan đến vụ án thể hiện thái độ không đồng tình với việc xét xử của Tòa án theo quy định của pháp luật TTHS để vụ án được xét xử lại ở cấp phúc thẩm. Thông qua đó, chủ thể của quyền kháng cáo, kháng nghị có thể bảo vệ quyền và lợi ích của mình và trong nhiều trường hợp lợi ích của Nhà nước và xã hội cũng được đảm bảo.

Việc quy định về nguyên tắc hai cấp xét xử cũng như quy định về việc bản án, quyết định sở thẩm có thể bị sửa, bị hủy tại cấp phúc thẩm sẽ kịp thời sửa chữa những sai lầm hoặc các hành vi vi phạm pháp luật mà cấp sơ thẩm mắc phải, góp phần nâng cao trách nhiệm của HĐXX sơ thẩm, giúp họ có thái độ thận trọng và có trách nhiệm hơn trước khi đưa ra phán quyết của mình. Thông qua hoạt động xét xử phúc thẩm, Tòa án cấp phúc thẩm kịp thời chỉ ra những sai lầm, thiếu sót mà Tòa án cấp sơ thẩm đã mắc phải, tự mình sửa chữa sai lầm, khắc phục thiếu sót hay đề nghị Tòa án cấp sơ thẩm sửa chữa những sai lầm của mình. Đây cũng chính là một hình thức hướng dẫn áp dụng pháp luật có hiệu quả to lớn giữa Tòa án cấp phúc thẩm với Tòa án cấp sơ thẩm, nhờ đó mà chất lượng xét xử tại các cấp ngày càng được nâng cao.

Việc xét xử lại vụ án mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử sẽ giúp tìm ra nguyên nhân dẫn đến sai lầm hay những vi phạm pháp luật trong việc áp dụng pháp luật của các cơ quan tiến hành tố tụng nói chung và tòa án nói riêng. Từ đó, giúp tìm ra các giải pháp thích hợp để sửa chữa, khắc phục về lập pháp cũng như về hướng dẫn áp dụng pháp luật, tổ chức các cơ quan tiến hành tố tụng nhất là hoàn thiện tổ chức Tòa án, đáp ứng yêu cầu của nguyên tắc hai cấp xét xử và yêu cầu cải cách tư pháp.

**3.2. Ý nghĩa chính trị, xã hội.**

**3.2.1. Ý nghĩa chính trị.**

Việc quy định và thực hiện nguyên tắc hai cấp xét xử trong TTHS đáp ứng các yêu cầu của Nhà nước pháp quyền đối với việc bảo đảm các quyền và lợi ích chính đáng của công dân, đảm bảo dân chủ, đảm bảo xét xử đúng người, đúng tội, áp dụng đúng pháp luật, không để lọt tội phạm, không làm oan người vô tội là sự thể hiện nhận thức khoa học về hoạt động xét xử của Tòa án phù hợp với nguyên lý của Chủ nghĩa Mác – Lênin về nhận thức thế giới. Đó là nhận thức luôn có sự vận động và phát triển, không phải trong mọi trường hợp nhận thức của con người về một sự vật hiện tượng đã đắn ngay từ lần nhận thức đầu tiên. Việc quy định một vụ án hình sự có thể được xét xử ở hai cấp xét xử khác nhau là phù hợp với quy luật của nhận thức nhằm đảm bảo tính đúng đắn, khách quan của hoạt động xét xử. Quy định nguyên tắc hai cấp xét xử thể hiện thái độ thận trọng của Nhà nước trong việc đưa ra các phán xét về số phận pháp lý, sinh mạng chính trị, quyền lợi của người đã thực hiện hành vi vi phạm pháp luật hình sự và những người có liên quan là sự thể hiện rõ ràng nhất bản chất của Nhà nước pháp quyền Việt Nam là Nhà nước của dân, do dân và vì dân. Trong đó, vấn đề tôn trọng và bảo vệ các quyền và lợi ích chính đáng và hợp pháp của công dân là một nội dung quan trọng của Nhà nước pháp quyền. Tòa án với nhiệm vụ thực hiện quyền tư pháp của nhà nước trong phạm vi hoạt động của mình phải xét xử đúng người, đúng tội, áp dụng đúng pháp luật, đảm bảo các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân. “ Hơn bất kỳ một hoạt động nào của Nhà nước, hoạt động xét xử phản ánh trực tiếp và sâu sắc bản chất của Nhà nước, sai lầm của Tòa án trong việc giải quyết các vụ án chính là sai lầm của Nhà nước. Vì thế, đòi hỏi xét xử phải chính xác, công minh, thể hiện được ý chí, nguyện vọng của nhân dân”. Đây cũng là một hình thức thực hiện pháp luật có hiệu quả chức năng giám đốc xét xử của Tòa án cấp trên đối với Tòa án cấp dưới.

Việc quy định và thực hiện nguyên tắc hai cấp xét xử trong TTHS thể hiện sự tôn trọng và đảm bảo thực hiện một cách có hiệu quả các quyền con người trong lĩnh vực tư pháp, một lĩnh vực mà từ xưa đến nay bất kỳ một quốc gia nào cũng phải thực hiện là vô cùng quan trọng. Việc quy định và thực hiện nguyên tắc hai cấp xét xử trong TTHS cũng tạo điều kiện để các chủ thể tham gia tố tụng có thể trực tiếp bảo vệ quyền lợi của mình nhiều lần tại các phiên tòa xét xử khác nhau. Đồng thời với việc đảm bảo quyền lợi của người tham gia tố tụng, việc xét xử ở hai cấp cũng giúp họ nhận thức rõ trách nhiệm của mình trong vụ án để có thái độ hợp tác tích cực với cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc thực hiện các nghĩa vụ pháp lý của mình. Việc quy định nguyên tắc hai cấp xét xử trong TTHS với nội dung cơ bản là một vụ án hình sự có thể được xét xử và chỉ có thể xét xử ở hai cấp là cấp sơ thẩm và cấp phúc thẩm, giúp tránh được tình trạng vụ án bị xử ở quá nhiều cấp làm cho quá trình tố tụng kéo dài ảnh hưởng tới hiệu lực của bản án, quyết định nhất là các bản án quyết định đã có hiệu lực pháp luật.

**3.2.2. Ý nghĩa xã hội.**

Việc quy định và thực hiện nguyên tức hai cấp xét xử trong TTHS góp phần rất lớn vào việc đảm bảo công bằng xã hội, nâng cao hiệu quả giáo dục ý thức pháp luật và phòng ngừa tội phạm, góp phần củng cố lòng tin của nhân dân vào hoạt động xét xử của Tòa án, nâng cao uy tín của các cơ quan tiến hành tố tụng nói chung và Tòa án nói riêng. Bởi lẽ, việc xét xử phải nhằm đến mục đích cao nhất là đúng người, đúng tội, áp dụng đúng pháp luật, tránh oan sai, đảm bảo quyền bình đẳng của mọi công dân trong TTHS. Do vậy, sẽ là không công bằng nếu như tước bỏ quyền được bảo vệ quyền và lợi ích của bị cáo, người tham gia tố tụng có quyền và lợi ích pháp lý liên quan đến vụ án một lần nữa tại một phiên tòa xét xử khác, nếu như chưa thể có các điều kiện thực tế để khẳng định hay bảo đảm rằng phán quyết của lần xét xử đầu tiên là hoàn toàn chính xác. Với việc quy định và thực hiện nguyên tắc xét xử công khai ở cả cấp sơ thẩm và cấp xét xử phúc thẩm, người dân có điều kiện biết rõ về hoạt động xét xử. Mặt khác, khi biết được kết quả xét xử phúc thẩm, thấy được sự đánh giá về tính đúng đắn hay không đúng đắn của cấp xét xử sơ thẩm, người dân mới thực hiện triệt để quyền giám sát hoạt động xét xử của Tòa án các cấp. Trên cơ sở đó mới có thái độ chính xác nhất về tính khách quan của hoạt động này trong việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của công dân, lợi ích chung của xã hội, cộng đồng và lợi ích của Nhà nước.

**4. Thực tiễn thi hành nguyên tắc hai cấp xét xử và nguyên nhân dẫn đến sự hạn chế:**

**4.1. Thực tiễn thi hành quy định của pháp luật tố tụng hình sự về xét xử sơ thẩm.**

Trong những năm gần đây mặc dù số lượng vụ án phải thụ lý xét xử ở cấp sơ thẩm không giảm nhưng tốc độ giải quyết tại cấp này đã nhanh chóng hơn, lượng án tồn đọng ngày càng hạn chế. Đặc biệt chất lượng xét xử ngày càng được nâng cao, số lượng các vụ án mà bản án, quyết định sơ thẩm bị kháng cáo, kháng nghị có chiều hướng giảm so với trước. Ví dụ năm 2004 trong số 808 vụ án có kháng nghị của VKS được xét xử phúc thẩm có 203 vụ không chấp nhận kháng nghị hoặc giải quyết khác, bằng 25,12% số vụ đã xét xử, năm 2005 trong số 780 vụ án có kháng nghị của VKS được xét xử phúc thẩm có 358 vụ Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng nghị hoặc giải quyết, bằng 45,89% số vụ đã xét xử. Tình trạng xét xử oan sai có xu hướng ngày càng giảm so với trước đây. Ví dụ như năm 2002 có 23 người bị kết tội oan, năm 2007 có 7 người, năm 2004 có 5 người, năm 2005 có 4 người. Bên cạnh những kết quả khả quan đó việc xét xử ở cấp sơ thẩm thời gian qua vẫn còn những hạn chế nhất định như:

Lượng án tồn đọng tại TAND cấp huyện hàng năm nhìn chung có xu hướng ngày càng giảm nhưng vẫn còn nhiều và có chiều hướng tăng, giảm không ổn định. Ví dụ như năm 2002 thụ lý 31.127 vụ tồn đọng 1.195 vụ bằng 3,83% số vụ đã thụ lý, năm 2005 thụ lý 41.518 vụ tồn đọng 1120 vụ bằng 2,69% số vụ đã thụ lý, năm 2006 theo thống kê chung lượng án tồn đọng tại các Tòa án cấp sơ thẩm là 2,40% số vụ thụ lý.

Số lượng án sơ thẩm tồn đọng tại Tòa án nhân dân cấp tỉnh tuy không lớn so với số lượng án thụ lý hàng năm nhưng nhìn chung vẫn còn cao. Ví dụ như năm 2002 thụ lý 15.374 vụ tồn đọng 294 vụ bằng 1,91%; năm 2003 thụ lý 13.355 vụ tồn đọng 372 vụ bằng 2,14%; năm 2004 thụ lý 18.190 vụ tồn đọng 1125 vụ bằng 6,18%; năm 2005 thụ lý 13.471 vụ, tồn đọng 459 vụ bằng 3,4%; năm 2007 thụ lý 11.266 vụ tồn đọng 329 vụ bằng 2,92%. Như vậy, có thể thấy rằng việc xét xử tại các tòa án cấp sơ thẩm còn nhiều hạn chế.

**4.2. Thực tiễn thi hành các quy định của pháp luật tố tụng hình sự về nguyên tắc hai cấp xét xử trong xét xử phúc thẩm.**

Nghiên cứu tình hình xét xử phúc thẩm trong các năm từ năm 2002 đến năm 2007 có thể kết luận như sau:

Số lượng vụ án đã giải quyết, xét xử phúc thẩm chiếm tỉ lệ cao trên tổng số vụ Tòa án cấp phúc thẩm đã thụ lý. Tuy nhiên tình trạng tồn đọng án tại Tòa án cấp phúc thẩm hàng năm vẫn còn tương đối cao. Chất lượng xét xử phúc thẩm ngày càng được nâng cao, tuy nhiên vẫn còn nhiều vụ án đã xét xử phúc thẩm nhưng bản án bị Tòa giám đốc thẩm hủy để điều tra lại hoặc xét xử lại, thậm chí thời gian trước đây có nhiều trường hợp hủy án phúc thẩm, giữ nguyên án sơ thẩm. Việc xét xử ở cấp phúc thẩm nhìn chung đảm bảo chất lượng, góp phần sửa chữa kịp thời các sai lầm, vi phạm của Tòa án cấp sơ thẩm, bảo đảm thực hiện có hiệu quả nguyên tắc hai cấp xét xử. Điều này thể hiện ở chỗ hàng năm số lượng án được xét xử phúc thẩm rất lớn và có chiều hướng gia tăng nhưng số lượng án bị kháng nghị xét lại theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm được thụ lý ở TANDTC là không nhiều. Ví dụ: năm 2002 Tòa án các cấp đã xét xử phúc thẩm 12.263 vụ, số vụ thụ lý để xét lại giám đốc thẩm tại TANDTC là 273 vụ; năm 2003 Tòa án các cấp đã xét xử phúc thẩm 12.673 vụ, số vụ thụ lý để xét lại giám đốc thẩm tại TANDTC là 162 vụ; năm 2004 Tòa án các cấp đã xét xử phúc thẩm 13.851 vụ, số vụ thụ lý để xét lại giám đốc thẩm tại TANDTC (tính quý 4/2003 đến hết quý 3/2004) là 92 vụ; năm 2005 Tòa án các cấp đã xét xử phúc thẩm 12.735 vụ, số vụ thụ lý để xét lại giám đốc thẩm tại TANDTC (tính quý 4/2004 và 9 tháng năm 2005) là 85 vụ; năm 2007 Tòa án các câp đã xét xử phúc thẩm là 12.238 vụ, số vụ thụ lý để xét lại giám đốc thẩm tại TANDTC là 83 vụ.

**4.3. Nguyên nhân dẫn đến sự hạn chế trong việc thực hiện nguyên tắc hai cấp xét xử.**

Một trong những nguyên nhân dẫn đến thực trạng trên là do sự hạn chế trong tổ chức hệ thống Tòa án nhân dân các cấp chưa thật khoa học và hợp lý làm cho lượng án sơ thẩm Tòa án cấp tỉnh xét xử hàng năm tương đối lớn, do hiện nay còn nhiều Tòa án cấp huyện chưa được giao thực hiện thẩm quyền xét xử sơ thẩm đầy đủ theo khoản 1 Điều 170 BLTTHS nên có nhiều Tòa án cấp tỉnh phải xét xử lượng án sơ thẩm khá lớn. Nguyên nhân tiếp theo đó là do tổ chức hệ thống Viện kiểm sát nhân dân cũng chưa được hoàn thiện, hoạt động kém hiệu quả. Vấn đề trình độ chuyên môn của người tiến hành tố tụng còn hạn chế dẫn đến nhận thức không đúng tinh thần của điều luật như không nắm vững lý luận về cấu thành tội phạm nên định tội danh sai, định khung hình phạt và quyết định hình phạt không chính xác. Chất lượng thực hành quyền công tố tại phiên tòa chưa thật đảm bảo do Kiểm sát viên kém chuyên môn, yếu về lý luận nên lung túng, bị động khi tranh tụng với luật sư và người tham gia tố tụng khác. Hạn chế về mặt trình độ của các cơ quan điều tra cũng là một trong những nguyên nhân dẫn đến thực trạng trên như vi phạm các thủ tục tố tụng, không đảm bảo quyền bào chữa của bị can trong trường hợp pháp luật bắt buộc phải có người bào chữa. Bên cạnh các nguyên nhân trên còn do một số người tiến hành tố tụng do bị cám dỗ về vật chất nên có hành vi vi phạm pháp luật, dẫn đến xét xử sai sự thật, thiếu khách quan. Tiếp theo đó là do các quy định của pháp luật còn chưa thống nhất, đồng bộ và sát với yêu cầu thực tiễn nhất là trong công tác hướng dẫn áp dụng pháp luật.

**5. Giải pháp nâng cao hiệu quả nguyên tắc hai cấp xét xử:**

**5.1. Đổi mới  hệ thống Tòa án.**

Thực hiện chế độ hai cấp xét xử là nguyên tắc đúng đắn của Nhà nước pháp quyền và tố tụng hiện đại mà các Nhà nước tiến bộ đều phải tuân thủ. Theo quan điểm của nhóm thì nên tổ chức Toà án theo cấp xét xử gồm Toà án tối cao, Toà án phúc thẩm và Toà án sơ thẩm. Tổ chức hệ thống tòa án như vậy sẽ có nhiều ưu điểm hơn như hệ thống tòa án hiện nay tổ chức theo mô hình hệ thống chính quyền và nó sẽ giúp hệ thống tòa án hoạt động hiệu quả.

Thứ nhất, phân bố hợp lý cơ cấu các vụ án xét xử đỡ lãng phí vì có Toà án có rất ít án, có Toà án lại quá nhiều án và đảm bảo cho các Toà án độc lập thực sự trong xét xử.

Thứ hai, tổ chức hai loại Toà án sơ thẩm. Việc dồn tất cả các loại án với tính chất, mức độ nghiêm trọng, phức tạp khác nhau vào thẩm quyền của một Toà án là bất hợp lý, gây rất nhiều bất cập về tổ chức, cán bộ, trang bị, phương tiện cũng như thủ tục tố tụng. Điều đó cũng khó phù hợp với xu thế xây dựng Nhà nước pháp quyền là mở rộng phạm vi tài phán các tranh chấp trong xã hội. Vì vậy, theo chúng tôi cần tổ chức hai loại Toà án sơ thẩm: Toà án xét xử các vụ án nghiêm trọng, phức tạp và Toà án xét xử các vụ án ít nghiêm trọng, đơn giản, rõ ràng.Với thẩm quyền xét xử của Toà án hiện nay thì để Toà án cấp huyện và Toà án cấp tỉnh xét xử sơ thẩm tạm thời là hợp lý. Tuy nhiên, nếu mở rộng phạm vi tài phán của Toà án, thì cần tổ chức lại hệ thống Toà án sơ thẩm 2 cấp (cấp thấp nhất ở từng quận, huyện, liên quận, huyện hoặc mỗi quận, huyện có nhiều Toà án; cấp cao hơn có thể ở từng tỉnh hoặc mỗi tỉnh, thành phố có một số Toà án) với đa số các vụ án được xét xử ở Toà án cấp thấp nhất. Đồng thời cần nghiên cứu quy định thủ tục xét xử sơ chung thẩm đối với một số loại án tại Toà án cấp thấp nhất để đảm bảo tiết kiệm và hiệu quả của hoạt động xét xử mà vẫn không ảnh hưởng nhiều đến các nguyên tắc tố tụng, nhất là nguyên tắc hai cấp xét xử.

Thứ ba, thành lập các Toà án phúc thẩm độc lập ở các vùng (giống như các Toà Thượng thẩm trước đây). Không nên coi Toà án phúc thẩm là Toà chuyên trách của Toà án nhân dân tối cao. Với chức năng phá án, tổng kết thực tiễn xét xử, hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật và làm án lệ, không nên có một Toà án tối cao với hàng trăm thẩm phán như hiện nay. Các thẩm phán Toà án phúc thẩm không nên là thẩm phán Toà án nhân dân tối cao. Toà án nhân dân tối cao chỉ gồm 15 đến 17 thẩm phán và cấu thành Hội đồng (toàn thể) thẩm phán; tất cả các thẩm phán này đều tham gia vào các hoạt động nghiệp vụ của Toà án nhân dân tối cao.

**5.2. Cải cách  hệ thống Viện kiểm sát nhân dân.**

Theo quy định tại hiến pháp năm 1992 và luật tổ chức viện kiểm sát 2002 thì hệ thống viện kiểm sát ở Việt Nam được tổ chức theo nguyên tắc hành chính lãnh thổ giống như hệ thống tòa án và thực hiện hai chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát tư pháp. Qua những năm thực hiện thì hệ thống viện kiểm sát cũng bộc lộ những bất cập làm hạn chế hiệu quả hoạt động cơ quan này. Vậy nên cần có những thay đổi mới, những thay đổi này theo chúng tôi nó cần phù hơp với hệ thống tòa án được tổ chức như trên.

**5.3. Nâng cao năng lực của thẩm phán.**

Thẩm phán là người được giao nhiệm vụ thực hiện quyền xét xử, bảo vệ công lý của chế độ, thẩm phán cần có những tố chất phù hợp, năng lực của thẩm phán quyết định chất lượng xét xử cũng như đảm bảo thực hiện đúng nguyên tắc hai cấp xét xử nói riêng.

Thứ nhất, cần thay đổi cơ chế tuyển chọn để bổ nhiệm cũng như nhiệm kỳ thẩm phán. Nếu chúng ta có một cơ chế tốt thì thẩm phán sẽ không phải bận tâm đến vấn đề làm thế nào để nhiệm kỳ sau không bị đưa ra khỏi danh sách bổ nhiệm tạo tâm lý an tâm cho họ làm việc.

Thứ hai, nhiệm kỳ cũng có hướng nên cho nó dài ra, để tận dụng được tối đa kiến thức chuyên môn, kinh nghiệm xét xử đã được tích lũy trong thời gian công tác của họ.

Thứ ba, cần có chế độ lương bổng hợp lý, nâng cao đời sống của các thẩm phán để góp phần loại bỏ việc các thẩm phán cuốn vào các cám dỗ vật chất mà vi phạm pháp luật, làm oan, làm sai dẫn đến hiệu quả xét xử không cao, làm mất lòng tin của quần chúng nhân dân vào cơ quan nhà nước và sự nghiêm minh của pháp luật.

**5.4. Nâng cao năng lực hội thẩm.**

Hội thẩm nhân dân cần phải có trình độ chuyên môn nghiệp vụ tương thích với tình hình thực tế xã hội. Việc bầu ra Hội thẩm nhân dân phải có những quy định chặt chẽ, tiêu chuẩn cụ thể hơn nữa để đảm yêu cầu về năng lực trình độ của hội thẩm. Đó phải là những người thực sự công tâm, không ngại va chạm và biết làm đúng vai trò hội thẩm của mình. Từ đó, chất lượng của công tác xét xử sẽ được nâng cao hơn và cũng từ đó mà đảm bảo được hiệu quả thực hiện của các nguyên tắc trong quá trình tố tụng hình sự.

**5.5. Nâng cao năng lực của điều tra viên, kiểm sát viên.**

Thực hiện đúng quy định của Pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự về tiêu chuẩn bổ nhiệm, miễn nhiệm điều tra viên đảm bảo sớm có sự thống nhất các tiêu chuẩn về học vấn, nghiệp vụ đối với các chức danh tư pháp giữa các cơ quan tiến hành tố tụng, nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan điều tra. Các kiểm sát viên cũng phải chú trọng nâng cao trình chuyên môn, nghiệp vụ để tại phiên tòa không bị động, lung túng khi tranh tụng với luật sư và những người tham gia tố tụng khác, nâng cao chất lượng của hoạt động xét xử.

**5.6. Nâng cao năng lực của luật sư.**

Thực tế hiện nay cho thấy, các phiên tòa ở cấp huyện thường không thấy có mặt các luật sự, trừ trường hợp pháp luật yêu cầu phải có luật sư bào chữa cho bị can mà hầu hết luật sư thường có mặt tại các phiên tòa ở cấp tỉnh là chủ yếu. Điều đó cũng làm cho chất lượng tranh tụng tại các tòa án không cao, không đồng đều.  Ngoài ra, năng lực của luật sư yếu kém cũng ảnh hưởng đến chất lượng tranh tụng tại tòa. Tất cả những điều đó gây ảnh hưởng đến việc tôn trọng các nguyên tắc tố tụng hình sự nói chung và nguyên tắc hai cấp xét xử nói riêng. Vì thế chúng ta cần chú trọng nâng cao vai trò của các luật sự trong quá trình tố tụng hình sự và nâng cao năng lực, trình độ của luật sư.

**III. KẾT LUẬN:**

Việc quy định và thực hiện nguyên tắc hai cấp xét xử đã thể hiện nhiều ưu thế và có ý nghĩa vô cùng to lớn, làm tư tưởng chủ đạo trong quá trình xét xử các vụ án hình sự nhằm trừng phạt thích đáng người có tội cũng như đảm bảo quyền và lợi ích của các chủ thể khác có liên quan và thậm chí là bảo vệ lợi ích của Nhà nước. Vì vậy, chúng ta cần phát huy hơn nữa, thực hiện thật tốt nguyên tắc này để nâng cao chất lượng xét xử tại các phiên tòa, tránh được tối đa việc xét xử oan sai, không bỏ lọt tội phạm...

**DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Trường Đại học Luật Hà Nội, Giáo trình Luật tố tụng hình sự Việt Nam, Nxb. Tư pháp, Hà Nội, Năm 2006.

2. Bộ luật tố tụng hình sự của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2003 – Nhà xuất bản chính trị Quốc gia – Hà Nội năm 2006.

3. Luật tổ chức Tòa án nhân dân năm 2002.

4. Mô hình Luật tố tụng hình sự Việt Nam, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, Năm 2000.

5. Vũ Gia Lâm, Luận án Tiến sĩ Nguyên tắc hai cấp xét xử trong Tố tụng hình sự Việt Nam,  Năm 2008.

6. Trần Hữu Tráng, Một số giải pháp nâng cao vị thế của đội ngũ thẩm phán trong Tố tụng Hình Sự đáp ứng yêu cầu cải cách Tư pháp.

7. PGS.TS. Trần Văn Độ - Toà án quân sự Trung ương, Nguyên tắc hai cấp xét xử và việc áp dụng nguyên tắc đó vào việc tổ chức toà án các cấp, Nguồn:  Viện Nghiên cứu phát triển Thành Phố Hồ Chí Minh